

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2021
V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Ngọc D, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T tổ chức cưới hỏi vào tháng 6/2016, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng vài tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà riêng của chị. Cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do thời gian tìm hiểu ngắn, tính tình anh T ích kỷ, anh đối xử với con riêng của chị không tốt, có vài lần anh đánh cháu bé. Hiện cháu đã bỏ vào nhà người thân ở Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Với vợ anh ít quan tâm, nhiều lần đánh đập chị, có lần chị phải cấp cứu điều trị ở Trung tâm Y tế thị xã A. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng anh T vẫn tính nào tật nấy. Từ đầu năm 2021 cho đến nay, anh T cũng đã bỏ về phía gia đình anh sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị

không còn tình cảm với anh T nữa. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Huyền M, sinh ngày 16/3/2018. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Hiện nay chị làm công nhân gỗ, thu nhập trung bình mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2021, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, thời điểm vợ chồng không còn sống chung và con chung nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là vì anh sống nhà ở phía vợ nên vợ và con riêng của vợ không tôn trọng anh, nhiều lần vợ đuổi anh ra khỏi nhà, còn con riêng của vợ ăn nói hỗn láo, thiếu tế nhị. Vì quá bức tức nên có vài lần anh đánh con riêng của vợ. Ngoài ra, chị D còn nghi ngờ anh có người phụ nữ khác nên làm to chuyện, ăn nói thiếu tế nhị, xúc phạm đến anh và vợ còn cầm cây đánh vào người của anh trước nên anh nóng tính đánh lại khiến chị D phải đi nhập viện. Trước khi mở phiên tòa, anh có yêu cầu đoàn tụ không đồng ý ly hôn nhưng cuối phiên tòa hôm nay, anh đã suy nghĩ kỹ, anh và chị D không thể chung sống với nhau được nên nay anh đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Huyền M, sinh ngày 16/3/2018, hiện con chung đang ở với chị D. Trước đây, anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, nhưng nay anh giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, hằng tháng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ từ nay cho đến khi con trưởng thành. Hiện anh làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các Hội thẩm, Thư ký và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị Ngọc D và anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Huyền M, sinh ngày 16/3/2018 cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tạ Thị Ngọc D yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh T đang cư trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Ngọc D và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng do thời gian tìm hiểu ngắn chỉ vài tháng, chưa hiểu về tính tình của nhau nên luôn kình cãi nhau, anh T nóng tính, chửi mắng, đánh đập vợ và con riêng của vợ. Có lần anh T đánh chị D phải nhập viện. Gia đình hòa giải nhưng không ai nhường nhịn ai. Vợ chồng còn có mâu thuẫn vì những chuyện vặt trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trước đây, anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ nhưng suốt thời gian qua anh không có phương hướng, kế hoạch để hàn gắn. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình...*”. Và hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở vợ chồng thương yêu nhau nhưng anh chị không biết chia sẻ, thông cảm cho nhau những khó khăn trong cuộc sống, không ai chịu nhường nhịn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Ở cuối phần tranh tụng tại phiên tòa, anh T xác định chị D cương quyết ly hôn, giữa anh chị cũng không thể chung sống với nhau được nên nay anh cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình “*...hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn ... thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn ...*”. Từ các chứng cứ phân tích như trên thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T không thể hàn gắn được và cả anh chị đều xác định không còn tình cảm và cùng đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Tạ Thị Ngọc D và anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Huyền M, sinh ngày 16/3/2018 chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu M. Trước đây, anh T cũng có tranh chấp nuôi con nhưng nay anh

thống nhất giao cháu M cho chị D nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX công nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay anh T cũng thống nhất với mức cấp dưỡng trên. Qua xem xét mức thu nhập của anh T cũng như mức chi phí sinh hoạt của trẻ em hiện nay thì mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng là phù hợp quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2021 còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[2.5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000.đ và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 271 và Điều 273 của BLTTDS; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị Ngọc D và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Giao người con chung tên Nguyễn Huyền M, sinh ngày 16/3/2018 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu M cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001582 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị Ngọc D và anh Nguyễn Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh